

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ HẠ LONG
TỈNH QUẢNG NINH**

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 214/2018/HSST.

Ngày: 11 - 10 - 2018.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TOÀ ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HẠ LONG - TỈNH QUẢNG NINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán- Chủ tọa phiên toà: Ông **Nguyễn Văn Đạt**.

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông **Nguyễn Đắc Nam**.

2. Ông **Đào Đức Nghĩa**.

- Thư ký phiên toà: Ông Nguyễn Hồng Quân - Thư ký Toà án nhân dân thành phố Hạ Long, tỉnh Quảng Ninh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Hạ Long, tỉnh Quảng Ninh tham gia phiên toà: Bà Lê Thị Thu Hà - Kiểm sát viên.

Ngày 11 tháng 10 năm 2018 tại trụ sở Toà án nhân dân thành phố Hạ Long, tỉnh Quảng Ninh xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số: 198/2018/TLST- HS ngày 30 tháng 8 năm 2018 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 216/2018/QĐXXST- HS ngày 27/9/2018 đối với các bị cáo:

1. Nguyễn Đình Kh. Tên gọi khác: Không. Giới tính: Nam. Sinh ngày 17 tháng 5 năm 1968, tại tỉnh Quảng Ninh. Nơi ĐKNKTT và chỗ ở: Tổ 2, khu 7, phường H, thành phố Hạ Long, tỉnh Quảng Ninh. Quốc tịch: Việt Nam. Dân tộc: Kinh. Tôn giáo: Không. Nghề nghiệp: Không. Trình độ văn hoá: 07/10. Con ông: Nguyễn Khắc V (đã chết). Con bà: Nguyễn Thị Ph (đã chết). Vợ: Nguyễn Thị H, sinh năm 1973. Con: Có 01 con, sinh năm 2011. Tiền án, tiền sự: Chưa. Bị cáo bị bắt quả tang ngày 16/6/2018, hiện đang được áp dụng biện pháp “Cấm đi khỏi nơi cư trú”. Có mặt tại phiên tòa.

2. Trần Ngọc Th. Tên gọi khác: Không. Giới tính: Nam. Sinh ngày 15 tháng 11 năm 1969, tại tỉnh Quảng Ninh. Nơi ĐKNKTT và chỗ ở: Tổ 50, khu 5, phường H, thành phố Hạ Long, tỉnh Quảng Ninh. Quốc tịch: Việt Nam. Dân tộc: Kinh. Tôn giáo: Không. Nghề nghiệp: Không. Trình độ văn hoá: 07/10. Con ông: Trần Ngọc A (đã chết). Con bà: Lê Thị Ch (đã chết). Vợ: Nguyễn Thị Y, sinh năm 1973. Con: Có 01 con, sinh năm 1992. Tiền án, tiền sự: Chưa. Nhân thân: Ngày 14/02/1990 bị Tòa án nhân dân thị xã Hồng Gai xử phạt 12 tháng tù về tội “*Trộm cắp tài sản của công dân*”. Ngày 22/01/1998 bị Tòa án nhân dân thành phố Hạ

Long xử phạt 12 tháng tù “*Trộm cắp tài sản xã hội chủ nghĩa*”. Ngày 02/8/2001 bị Tòa án nhân dân thành phố Hạ Long xử phạt 12 tháng tù về tội “*Tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có*”. Ngày 11/5/2004 bị Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Ninh xử phạt 09 năm tù về tội “*Mua bán trái phép chất ma túy*”. Bị cáo bị bắt quả tang ngày 16/6/2018, hiện đang tạm giam tại trại tạm giam Công an tỉnh Quảng Ninh. Có mặt tại phiên tòa.

3. **Lò Văn Th2**. Tên gọi khác: Không. Giới tính: Nam. Sinh ngày 23 tháng 7 năm 1997, tại tỉnh Điện Biên. Nơi ĐKNKTT và chỗ ở: Bản N, xã M, huyện T, tỉnh Điện Biên. Quốc tịch: Việt Nam. Dân tộc: Th. Tôn giáo: Không. Nghề nghiệp: Không. Trình độ văn hoá: 08/12. Con ông: Lò Văn K, sinh năm 1974. Con bà: Nùng Thị Th, sinh năm 1972. Vợ, con: Chưa. Tiền án, tiền sự: Chưa. Bị cáo bị bắt quả tang ngày 16/6/2018, hiện đang được áp dụng biện pháp “*Cấm đi khỏi nơi cư trú*”. Có mặt tại phiên tòa.

- Bị hại: **Công ty Cổ phần xây dựng F**.

Địa chỉ: Số 265 C, phường D, quận C, thành phố Hà Nội.

Người đại diện theo pháp luật: Ông **Đỗ Quang L**, sinh năm 1975.

Chức vụ: Tổng Giám đốc.

Người đại diện theo ủy quyền: Ông **Nguyễn Danh B**, sinh năm 1982.

Địa chỉ: Xóm Đ, xã L, huyện H, thành phố Hà Nội.

Vắng mặt, có đơn xin xét xử vắng mặt.

- *Người tham gia tố tụng khác:*

Người làm chứng:

+ Anh **Nguyễn Văn H**, sinh năm 1988.

Địa chỉ: Xóm 5, xã Ng1, huyện Ng2, tỉnh Thanh Hóa. (Vắng mặt).

+ Anh **Phan Đình Bản**, sinh năm 1974.

Địa chỉ: Xã Đ1, huyện Đ2, tỉnh Thanh Hóa. (Vắng mặt).

+ Anh **Nguyễn Thế Mạnh T**, sinh năm 1988.

Địa chỉ: Tổ 6, khu 1B, phường C, TP. Hạ Long, tỉnh Quảng Ninh.

(Vắng mặt).

+ Anh **Trần Xuân Q**, sinh năm 1970.

Địa chỉ: Tổ 7, khu 10, phường Q, TP. C, tỉnh Quảng Ninh.

(Vắng mặt).

+ Anh **Trần Tiến D**, sinh năm 1989.

Địa chỉ: Tổ 3, Đ, phường C, TP. C, tỉnh Quảng Ninh.

(Vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Nguyễn Đình Kh, Trần Ngọc Th và Lò Văn Th2 quen biết nhau từ trước, vì đều là công nhân thời vụ của Công ty cổ phần xây dựng F, thi công tại dự án F2, thuộc phường H, thành phố Hạ Long (gọi tắt là F2) từ năm 2017 đến đầu năm 2018 thì nghỉ việc.

Ngày 15/6/2018, Th2 đến nhà Kh ở phường H, thành phố Hạ Long chơi và tìm việc làm. Tại đây, Kh rủ Th2 đến khu công trình đang xây dựng của F2 để trộm cắp sắt, Th2 đồng ý. Sau đó, Kh điện thoại cho Trần Ngọc Th, rủ Th cùng đi trộm cắp, Th đồng ý. Khoảng 19 giờ cùng ngày, Nguyễn Đình Kh, Trần Ngọc Th và Lò Văn Th2 đi xe ôm đến ngõ 10, thuộc phường H, rồi đi bộ theo đường mòn lên khu công trường đang xây dựng biệt thự BT3 của F2. Đến nơi, Th, Kh và Th2 trộm cắp được: 40 chân giáo chữ A bằng sắt; 09 chiếc giằng chữ A; 163kg sắt hộp mạ kẽm; 126 chiếc chân kích bằng sắt, rồi mang từ trong khu biệt thự ra phía ngoài. Đến 21 giờ cùng ngày, khi cả ba đang vận chuyển sắt xuống khu vực đường mòn để mang đi tiêu thụ thì bị lực lượng bảo vệ phát hiện bắt quả tang, thu giữ toàn bộ số sắt đã trộm cắp, bàn giao cho cơ quan Công an thành phố Hạ Long giải quyết.

Tại bản kết luận định giá tài sản số 122 ngày 25/6/2018 của Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự thành phố Hạ Long, kết luận: 40 chân giáo; 09 chiếc giằng chữ A; 163kg sắt hộp mạ kẽm; 126 chiếc chân kích bằng sắt dài 35 cm, có tổng trị giá là 4.680.000 đồng.

Ngày 13/8/2018, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố Hạ Long đã trả lại cho Công ty cổ phần xây dựng F, tại khu dự án F2 toàn bộ tài sản trên, Công ty không có yêu cầu bồi thường gì khác.

Tại Cáo trạng số: 200/CT- VKSHL ngày 27/8/2018 của Viện kiểm sát nhân dân thành phố Hạ Long - tỉnh Quảng Ninh đã truy tố các bị cáo: Nguyễn Đình Kh, Trần Ngọc Th và Lò Văn Th2 về tội: “*Trộm cắp tài sản*” theo khoản 1 Điều 173 - Bộ luật hình sự năm 2015.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát giữ nguyên quyết định truy tố như Cáo Trạng và đề nghị Hội đồng xét xử: Tuyên bố các bị cáo Nguyễn Đình Kh, Trần Ngọc Th và Lò Văn Th2 - phạm tội “*Trộm cắp tài sản*”.

Áp dụng: Khoản 1 Điều 173; điểm s khoản 1 Điều 51 và Điều 58 (bị cáo Kh áp dụng thêm điểm i khoản 1 Điều 51) - Bộ luật hình sự năm 2015, đề nghị xử phạt:

- Bị cáo Nguyễn Đình Kh từ 09 tháng tù đến 12 tháng tù, thời hạn tù tính từ ngày bắt đi thi hành án.

- Bị cáo Trần Ngọc Th từ 09 tháng tù đến 12 tháng tù, thời hạn tù tính từ ngày bị bắt.

Áp dụng: Khoản 1 Điều 173; điểm i, s khoản 1 Điều 51, Điều 58 và Điều 65 - Bộ luật hình sự năm 2015, đề nghị xử phạt:

- Bị cáo Lò Văn Th2 từ 06 tháng tù đến 09 tháng tù cho hưởng án treo, thời gian thử thách từ 12 tháng đến 18 tháng.

Về hình phạt bổ sung: Không áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với các bị cáo.

Về xử lý vật chứng: Cơ quan cảnh sát điều tra đã hoàn trả lại tài sản cho Công ty cổ phần xây dựng F là đúng quy định của pháp luật, nên không đề cập xử lý.

Về bồi thường dân sự: Bị hại Công ty cổ phần xây dựng F không có yêu cầu, đề nghị gì về việc bồi thường thiệt hại tài sản nên không đề cập.

Các bị cáo Nguyễn Đình Kh, Trần Ngọc Th và Lò Văn Th2 thừa nhận hành vi phạm tội và xin giảm nhẹ hình phạt.

Bị hại: Công ty cổ phần xây dựng F có người đại diện theo ủy quyền là anh Nguyễn Danh B có quan điểm trình bày: Công ty cổ phần xây dựng F, thi công tại dự án F2, thuộc phường H, thành phố Hạ Long. Tối ngày 15/6/2018, bảo vệ của Công ty phát hiện, bắt giữ một số đối tượng trộm cắp tài sản của Công ty và bàn giao cho Cơ quan Công an xử lý. Toàn bộ tài sản do các bị cáo trộm cắp đã được hoàn trả lại nên Công ty không yêu cầu các bị cáo phải bồi thường thiệt hại về tài sản. Công ty đề nghị xét xử các bị cáo theo đúng quy định của pháp luật.

Người là chứng, gồm: anh Nguyễn Văn H, anh Phan Đình B, anh Trần Thế Mạnh T, anh Trần Xuân Q và anh Trần Tiến D có lời khai thể hiện về thời gian, địa điểm và một số tình tiết của vụ án phù hợp với lời khai nhận của các bị cáo, bị hại.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Điều tra viên, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra truy tố, xét xử đã được thực hiện đúng thẩm quyền, trình tự thủ tục quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, những người tham gia tố tụng không ai có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của người tiến hành tố tụng. Do đó các hành vi, quyết định tố tụng của người tiến hành tố tụng đã thực hiện đúng theo quy định của pháp luật.

[2] Hành vi của các bị cáo, qua tranh tụng tại phiên tòa các bị cáo thừa nhận: Khoảng 19 giờ 00 phút ngày 15/6/2018, tại khu xây dựng biệt thự BT3, khu dự án F2, thuộc phường H, thành phố Hạ Long, Nguyễn Đình Kh, Trần Ngọc Th và Lò Văn Th2 có hành vi vào khu vực trên trộm cắp 40 chân giáo chữ A; 09 chiếc giăng chữ A; 163kg sắt hộp mạ kẽm; 126 chiếc chân kích bằng sắt dài 35 cm của Công ty

cổ phần xây dựng F, có tổng trị giá là 4.680.000 đồng thì bị bảo vệ của Công ty phát hiện, bắt giữ cùng vật chứng.

Hành vi trên của các bị cáo đã trực tiếp xâm đến quyền sở hữu chính đáng về tài sản của tổ chức kinh tế, là khách thể quan trọng được pháp luật ghi nhận và bảo vệ nên đã phạm tội: “*Trộm cắp tài sản*” quy định tại khoản 1 Điều 173-BLHS. Do đó, Cáo trạng số 200/CT- VKSHL ngày 27/8/2018 của Viện kiểm sát nhân dân thành phố Hạ Long truy tố đối với Nguyễn Đình Kh, Trần Ngọc Th và Lò Văn Th2 là đúng người, đúng tội, có căn cứ pháp luật.

Khoản 1 Điều 173- Bộ luật hình sự, quy định:

“1. Người nào trộm cắp tài sản của người khác trị giá từ 2.000.000 đồng đến dưới 50.000.000 đồng hoặc dưới 2.000.000 đồng nhưng thuộc một trong các trường hợp sau đây, thì bị phạt cải tạo không giam giữ đến 3 năm hoặc phạt tù từ 6 tháng đến 3 năm”.

[3] Về tính chất, mức độ thực hiện tội phạm: Hành vi của các bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, bởi các bị cáo biết và nhận thức được tài sản của cá nhân, cơ quan, tổ chức luôn được mọi người tôn trọng, pháp luật bảo vệ, mọi hành vi xâm phạm đến đều bị nghiêm cấm và nghiêm trị. Nhưng chỉ vì thiếu ý thức chấp hành pháp luật, tham lam, tư lợi, muốn nhanh chóng có tiền tiêu xài nên đã cố ý thực hiện tội phạm để thỏa mãn nhu cầu của bản thân. Các bị cáo đã lợi dụng đêm tối, nhằm tránh sự phát hiện của chủ tài sản, để thực hiện hành vi chiếm đoạt tài sản. Hành vi phạm tội của các bị cáo đã hoàn thành, thông qua việc chiếm đoạt tài sản có tổng trị giá là 4.680.000 đồng của Công ty cổ phần xây dựng F.

Hành vi của các bị cáo thể hiện sự coi thường pháp luật, coi thường tài sản của người khác, gây mất trật tự trị an, ảnh hưởng đến hoạt động bình thường của tổ chức kinh tế khi đến đầu tư, kinh doanh trên địa bàn. Do đó, việc đưa các bị cáo ra xét xử công khai là cần thiết, cần phải xử lý nghiêm, để cải tạo, giáo dục và phòng ngừa chung.

[4] Về vai trò, nhân thân, các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Đây là vụ án có tính chất đồng phạm giản đơn, các bị cáo cùng trực tiếp tham gia thực hiện tội phạm sau khi được đồng phạm khởi xướng việc phạm tội. Trong đó, bị cáo Kh là đối tượng khởi xướng và trực tiếp thực hiện tội phạm nên giữ vai trò chính trong vụ án, bị cáo Th, Th2 là những đối tượng sau khi tiếp nhận ý chí phạm tội của đồng phạm đã tham gia tích cực, không chút đắn đo, nên giữ vai trò sau bị cáo Kh. Tuy nhiên, bị cáo Th có nhân thân xấu, đã bị xử lý về mặt hình sự nhưng không lấy đó làm bài học tu dưỡng, rèn luyện bản thân mà lại đi vào con đường phạm tội. Nên khi quyết định hình phạt thì bị cáo Th phải cao hơn bị cáo Th2. Xét quá trình điều tra và tại phiên tòa các bị cáo đều khai báo thành khẩn, ăn năn hối cải. Bị cáo Kh, Th2 chưa có tiền án tiền sự, phạm tội lần đầu thuộc trường hợp ít nghiêm trọng. Nên các bị cáo được hưởng tình tiết giảm nhẹ quy định tại điểm s khoản 1 Điều 51- BLHS 2015 (bị cáo Kh, Th2 còn được hưởng tiết giảm nhẹ quy định tại điểm s khoản 1 Điều 51- BLHS 2015). Căn cứ vào tính chất, mức độ thực hiện hành vi phạm tội của các bị cáo, HĐXX thấy cần phải cách ly bị cáo

Kh, Th khỏi xã hội một thời gian nhất định để cải tạo, giáo dục và phòng ngừa chung. Bị cáo Th2 là người dân tộc thiểu số, có nhiều tình tiết giảm nhẹ, không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự, có nơi thường trú rõ ràng nên chưa cần thiết cách ly khỏi xã hội, cho bị cáo được hưởng án treo, ấn định thời gian thử thách tương ứng và giao bị cáo cho chính quyền địa phương nơi cư trú để giám sát, giáo dục trong thời gian thử thách là phù hợp.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát đề nghị xử phạt bị cáo mức hình phạt như trên là có căn cứ, phù hợp với tính chất hành vi phạm tội của bị cáo.

[5] Về hình phạt bổ sung: Các bị cáo không có thu nhập ổn định nên không áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với các bị cáo.

[6] Về xử lý vật chứng và trách nhiệm bồi thường dân sự: 40 chân giáo chữ A; 09 chiếc giăng chữ A; 163kg sắt hộp mạ kẽm; 126 chiếc chân kích bằng sắt dài 35 cm. Cơ quan cảnh sát điều tra đã hoàn trả lại tài sản cho Công ty cổ phần xây dựng F là phù hợp với quy định của pháp luật. Bị hại Công ty cổ phần xây dựng F không có yêu cầu, đề nghị gì về việc bồi thường dân sự nên Hội đồng xét xử không xét.

[7] Về án phí: Các bị cáo Nguyễn Đình Kh và Trần Ngọc Th phải nộp án phí hình sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật. Đối với bị cáo Lò Văn Th2, tại phiên tòa bị cáo Th2 cung cấp tài liệu thể hiện bị cáo thuộc diện gia đình chính sách hộ nghèo và đề nghị Hội đồng xem xét miễn, giảm tiền án phí. Hội đồng xét xử thấy, căn cứ quy định tại điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 về án phí, lệ phí Tòa án, bị cáo Th2 được miễn toàn bộ tiền án phí hình sự sơ thẩm.

Vì các lý do trên,

QUYẾT ĐỊNH

Tuyên bố: Các bị cáo **Nguyễn Đình Kh, Trần Ngọc Th và Lò Văn Th2** Phạm tội: **“Trộm cắp tài sản”**.

Căn cứ vào: Khoản 1 Điều 173; điểm i, s khoản 1 Điều 51, Điều 58 - Bộ luật hình sự.

Xử phạt: Bị cáo Nguyễn Đình Kh: 09 (Chín) tháng tù, thời hạn tù tính từ ngày bị bắt đi thi hành án.

Căn cứ vào: Khoản 1 Điều 173; điểm s khoản 1 Điều 51, Điều 58 - Bộ luật hình sự.

Xử phạt: Bị cáo Trần Ngọc Th: 09 (Chín) tháng tù, thời hạn tù tính từ ngày bị bắt 16/6/2018.

Căn cứ vào: Khoản 1 Điều 173; điểm i, s khoản 1 Điều 51, Điều 58 và Điều 65 - Bộ luật hình sự.

Xử phạt: Bị cáo Lò Văn Th2 06 (Sáu) tháng tù cho hưởng án treo, thời gian thử thách 12 (Mười hai) tháng, kể từ ngày tuyên án.

Giao bị cáo Lò Văn Th2 cho UBND xã M, huyện T, tỉnh Điện Biên giám sát, giáo dục trong thời gian thử thách. Trong trường hợp Lò Văn Th2 thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định tại khoản 1 Điều 69 của Luật thi hành án hình sự.

Trong thời gian thử thách, người được hưởng án treo có ý vi phạm nghĩa vụ 02 lần trở lên thì Tòa án có thể quyết định buộc người được hưởng án treo phải chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo.

Áp dụng: Điều 135 và Điều 136- BLTTHS; điểm đ khoản 1 Điều 12; Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 về án phí, lệ phí Tòa án.

Buộc các bị cáo Nguyễn Đình Kh và Trần Ngọc Th, mỗi bị cáo phải nộp 200.000^d (Hai trăm nghìn đồng) tiền án phí hình sự sơ thẩm. Bị cáo Lò Văn Th2 được miễn án phí hình sự sơ thẩm.

Án xử công khai, có mặt các bị cáo, vắng mặt người đại diện theo ủy quyền của bị hại. Báo cho các bị cáo biết có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Báo cho bị hại biết có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày niêm yết bản án tại nơi cư trú.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Quảng Ninh;
- VKSND tỉnh Quảng Ninh;
- VKSND TP Hạ Long;
- THADS TP Hạ Long;
- Bị cáo; Bị hại;
- CQCSĐT CA TP Hạ Long;
- Lưu HS. Lưu VP.

**T/M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Văn Đạt